

Bản án số: 12 /2018/HNGĐ-PT
Ngày: 13- 6- 2018
V/v: “ *Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thúy Năng.

Các Thẩm phán: Ông Trần Hoài Sơn.

Bà Thái Thị Phi Yến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thanh Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng: Bà Lê Thị Mỹ
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 13 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2018/TLPT- HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2018 về tranh chấp ly hôn.

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 21/2018/HNGĐ-ST ngày 22 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân quận H, thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 37/2018/QĐ-PT ngày 30 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn A - sinh năm : 1976 (có mặt).

2. Bị đơn: Bà Huỳnh B - sinh năm: 1976 (có mặt).

Cùng địa chỉ: Tổ Y, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng.

3. Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Nguyễn A.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm, nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn ông Nguyễn A trình bày: Ông và bà Huỳnh B kết hôn với nhau vào năm 2000, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, quận T, Tp Đà Nẵng. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bà B có lời lẽ xúc phạm ảnh hưởng đến danh dự của ông. Ngoài ra, bà B coi thường và không tôn trọng gia đình chồng. Vợ chồng luôn xung đột và tranh cãi nhau làm ảnh hưởng đến tâm sinh lý và phát triển của con cái. Ông đã cảnh báo và nhắc nhở nhiều lần nhưng bà B không thay đổi. Bà B hay ghen tuông mù quáng, dẫn đến việc vợ chồng thường xuyên cãi vã và tình cảm dần phai nhạt. Năm 2011 ông có làm đơn gửi Tòa án nhân dân quận H, bà B hứa sẽ sửa đổi nhưng vẫn vậy. Nay ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà B.

- Về quan hệ con chung: Ông và bà B có 02 con chung: Nguyễn T - sinh ngày: 05/12/2001 và Nguyễn G - sinh ngày 13/8/2009. Ly hôn, nguyện vọng của ông được trực tiếp nuôi 02 con chung, không yêu cầu bà B cấp dưỡng nuôi con,

- Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Ông A xác định có nhưng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Huỳnh B trình bày:

Bà thống nhất với ông A về thời gian và điều kiện kết hôn. Trong quá trình chung sống, vợ chồng có đôi lúc cãi nhau nhưng mâu thuẫn vợ chồng không đến mức độ trầm trọng. Bà không đồng ý ly hôn với ông A vì muốn con cái có đầy đủ cha mẹ, hơn nữa bà còn nhiều tình cảm với ông A. Bà mong HĐXX cho vợ chồng bà một thời gian để hàn gắn mâu thuẫn. Nếu sau khoảng thời gian này, cuộc sống vợ chồng không có gì cải thiện, vẫn phát sinh mâu thuẫn thì tự bản thân bà sẽ làm thủ tục ly hôn với ông A.

- Về quan hệ con chung: Bà và ông A có 02 con chung: Nguyễn T - sinh ngày: 05/12/2001 và Nguyễn G - sinh ngày 13/8/2009. Ly hôn, bà B có nguyện vọng trực tiếp nuôi 02 con chung và yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi 02 con mỗi tháng 5.000.000đ(mỗi con 2.500.000đ/ tháng).

- Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Bà B xác định có nhưng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Với nội dung trên, bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận H, thành phố Đà Nẵng đã Quyết định:

Áp dụng :

- Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều

273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc : “ Ly hôn” của ông Nguyễn A đối với bà Huỳnh B.

2. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đ ông Nguyễn A phải chịu (đã nộp xong theo biên lai thu số 0001131 ngày 13/12/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự quận H, thành phố Đà Nẵng).

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn thông báo về quyền kháng cáo, theo qui định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm trong hạn luật định, ngày 26 tháng 3 năm 2018 ông Nguyễn A có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm số 21/2018/HNGĐ - ST ngày 22 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân quận H, ông đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết cho ông được ly hôn với bà Huỳnh B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn A vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo, yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết cho ông được ly hôn với bà Huỳnh B.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn A và bà Huỳnh B đã thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn A và bà Huỳnh B xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông bà được thuận tình ly hôn.

[2] Về quan hệ con chung: Ông Nguyễn A và bà Huỳnh B tự nguyện thỏa thuận về việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung như sau:

Bà Huỳnh B trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung: Nguyễn T - sinh ngày: 05/12/2001 và Nguyễn G - sinh ngày 13/8/2009. Ông Nguyễn A cấp dưỡng nuôi 02 con chung 9.000.000đ/ tháng (cháu Nguyễn T 5.000.000đ/tháng, cháu Nguyễn G 4.000.000đ/tháng). Giao tiền cấp dưỡng nuôi con vào ngày 15 hàng tháng kể từ tháng 6 năm 2018 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

[3] Án phí HNGĐ phúc thẩm 300.000đ, ông Nguyễn A tự nguyện chịu.

HĐXX xét thấy, việc thỏa thuận của các bên đương sự về việc thuận tình ly hôn, nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên công nhận sự thỏa thuận của các đương sự và sửa án sơ thẩm theo hướng trên.

[4] Ông Nguyễn A có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung theo định kỳ nên phải chịu án phí theo qui định của pháp luật là 300.000đ.

[5] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng đề nghị HĐXX áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm số: 21/2018/HNGĐ - ST ngày 22 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân quận H, thành phố Đà Nẵng và công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa. Xét đề nghị của VKS là phù hợp với nhận định của HĐXX.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự ; Điều 55, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 và Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

Chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn A. Sửa Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 21/2018/HNGĐ-ST ngày 22 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân quận H, thành phố Đà Nẵng.

1. Công nhận sự thỏa thuận tại phiên tòa giữa ông Nguyễn A với bà Huỳnh B như sau:

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn A với bà Huỳnh B.

1.2 Về quan hệ con chung: Công nhận sự thỏa thuận giữa ông Nguyễn A và bà Huỳnh B về việc nuôi con chung như sau:

- Bà Huỳnh B trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung: Nguyễn T - sinh ngày: 05/12/2001 và Nguyễn G - sinh ngày 13/8/2009.

- Ông Nguyễn A cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn T 5.000.000đ/tháng, cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn G 4.000.000đ/ tháng. Giao tiền cấp dưỡng nuôi con chung vào ngày 15 hàng tháng, kể từ tháng 6 năm 2018 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Các bên đương sự vẫn có quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo qui định của pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn

phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đ ông Nguyễn A phải chịu (đã nộp xong theo biên lai thu số 0001131 ngày 13/12/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự quận H, thành phố Đà Nẵng).

3. Án phí cấp dưỡng nuôi con chung, ông Nguyễn A chịu là 300.000đ.

4. Án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm 300.000đ ông Nguyễn A tự nguyện chịu, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí phúc thẩm ông Nguyễn A đã nộp theo biên lai thu số 1410 ngày 02/4/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận H, thành phố Đà Nẵng. Ông Nguyễn A đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Đà Nẵng.
- Chi cục THADS quận H.
- TAND quận H.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đỗ Thị Thúy Năng